TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHI LỘC** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/DSST.
Ngày: 02-11-2018.
(V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Loan Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Xuân Vinh, ông Lê Cảnh Tứ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vương Thanh Minh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lan Anh- Kiểm sát viên .

Ngày 02/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2018/TLST- DS ngày 09/8/2018 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXX- ST ngày 02/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40 ngày 18 /10/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn P- sinh năm 1956

Bà Trần Thị H- sinh năm 1958

Địa chỉ: xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T- sinh năm 1963

Chị Nguyễn Thị C- sinh năm 1964

Địa chỉ: Xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là ông Phan Văn P và bà Trần Thị H đề ngày 31/7/2018 và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do xuất phát từ mối quan hệ quen biết cùng xã với nhau nên ông Phan Văn P và bà Trần Thị Hiển đã đồng ý cho vợ chồng anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị C vay một khoản tiền. Khi vay, hai bên lập giấy vay tiền và kí xác nhận vào giấy. Số tiền

vay là 350.000.000 đồng Việt nam (ba trăm năm mươi triệu). Mục đích anh T, chị C vay để buôn bán trâu bò. Các bên không thỏa thuận vào giấy vay nợ về mức lãi suất cũng như thời gian trả nợ nhưng thống nhất lãi suất trả theo tháng. Giấy vay tiền đề ngày "16 tháng chín năm 2014 âm lịch"; chuyển đổi sang lịch dương là nhằm vào ngày 09 tháng 10 năm 2014.

Từ khi anh T, chị C vay vợ chồng ông khoản tiền trên, họ chưa thanh toán được một khoản tiền gốc và lãi nào. Bản thân vợ chồng anh T, chị C thường xuyên vắng mặt tại địa phương; vợ chồng ông tìm đủ mọi cách nhưng không liên lạc được.

Nay, vợ chồng ông khởi kiện đến Tòa án đề nghị xem xét, giải quyết yêu cầu buộc anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị C phải thanh toán cho vợ chồng ông khoản tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 09/10/2014 cho đến nay, mức lãi suất là 1%/tháng của 350.000.000 đồng. Cụ thể:

-Tiền gốc: 350.000.000 đồng.

-Tiền lãi: 1% /1 tháng của 350.000.000 đồng = 3.500.000đ/1 tháng. Tính từ 09.10.2014 đến 02.11.2018 là 48 tháng 23 ngày = 168.683.000 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là 518.683.000 đồng.

Phía bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng*:* Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự, lập hồ sơ đầy đủ, đúng pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, xây dựng hồ sơ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và nội quy phiên tòa, tôn trọng Hội đồng xét xử.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và tiền lãi suất theo quy định tại điều 468 bộ luật Dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1}. Về tố tụng:

- Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn là anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị C. Tòa án đã tiến hành xác minh về địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thấy: anh Trần Văn T và vợ là Nguyễn Thị C có hộ khẩu thường trú tại xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Trong thời gian mấy năm gần đây, vợ chồng anh T, chị C đi làm ăn, buôn bán trâu bò rất ít khi về nhà. Hiện vợ chồng không cắt chuyển hộ khẩu, không khai báo tạm vắng và vẫn có nhà cửa, đất đai tại địa phương. Tòa án đã tiến hành các thủ tục

tố tụng theo quy định chung, niêm yết các văn bản, tài liệu, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp, thông báo kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ...Giấy triệu tập phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử...đúng quy định nhưng anh T, chị C vẫn không hợp tác về làm việc với Tòa án. Việc vắng mặt của bị đơn tại địa phương đã được hướng dẫn giải quyết tại mục a, khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân Tối cao ban hành ngày 05/5/2017; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện vụ án: Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa vợ chồng ông Phan Văn P, Trần Thị H có thực hiện giao dịch vay tiền. Quá trình sau khi cho vay, ông P, bà H đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng anh T, chị C đều bỏ địa phương đi làm ăn xa, việc đòi nợ không thực hiện được nên khởi kiện ra Tòa án. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc theo quy định tại Điều 35 bộ luật Tố tụng Dân sự và trong thời hiệu khởi kiện.

{2}. Về nội dung:

2.1. Xét nguyên đơn xuất trình chứng cứ là giấy vay tiền có kí nhận của bị đơn. Trong giấy chỉ ghi số tiền vay, ngày tháng vay và có chữ kí của bên cho vay và bên vay; Văn bản này có thỏa thuận lãi suất trả hàng tháng, không ấn định mức lãi suất cũng như kì hạn trả nợ. Nó thuộc vào trường hợp được quy định tại các Điều 463 (Hợp đồng vay tài sản); khoản 2 Điều 468 (Có thỏa thuận về lãi nhưng không xác định mức lãi suất) và khoản 2 Điều 469 (Thực hiện hợp đồng vay không kì hạn và có lãi) của bộ luật Dân sự năm 2015.

Như vậy, ông P, bà H cho anh T, chị C vay số tiền 350.000.000 đồng từ ngày 09/10/2014 thuộc giao dịch dân sự vay tài sản, không có kì hạn, có lãi nhưng không ấn định rõ lãi suất. Lẽ ra, ông P, bà H phải nhắc nợ, báo trước việc yêu cầu thanh toán cho anh T, chị C. Tuy nhiên phía bị đơn cố tình dấu địa chỉ, không có mặt tại địa phương nên nội dung này không thuộc về lỗi của nguyên đơn. Phía nguyên đơn cố tình dấu địa chỉ nơi đang cư trú, không hợp tác với Tòa án để xác định tính xác thực của giao dịch vay nợ nên Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập cũng như các tài liệu do nguyên đơn cung cấp, trên cơ sở quy định của pháp luật để xét xử, tuyên buộc nghĩa vụ trả nợ với bị đơn là đúng quy định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Xét giao dịch giữa anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị C với ông Phan Văn P và bà Trần Thị H là giao địch đang thực hiện, nó phù hợp về nội dung và hình thức với bộ luật Dân sự năm 2015 do vậy, căn cứ vào điểm b điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần áp dụng các quy định tại các Điều 463; khoản 2 Điều 468 và khoản 2 Điều 469 bộ luật Dân sự 2015 để buộc anh Trần Văn T, Nguyễn Thị C phải trả cho ông Phan Văn P, bà Trần Thị H khoản tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng; Tiền nợ lãi là 10%/năm tương đương 2.917.000đ/tháng. Thời gian tính từ ngày 09/10/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 02/11/2018 (48 tháng 23 ngày). Cụ thể thành tiền là 142.242.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, anh T và chị C còn tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi theo mức quy định tại khoản 1 điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chưa thi hành án.

Về án phí*:* Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định; Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 463; Điều 468 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về Lệ phí, án phí Tòa án; Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn P, bà Trần Thị H.

- Buộc anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị C phải trả cho ông Phan Văn P, bà Trần Thị H các khoản tiền sau:

Tiền gốc: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng Việt nam)

Tiền lãi: 2.917.000đ/tháng x 48 tháng 23 ngày là 142.242.000 đồng (một trăm bốn hai triệu hai trăm bốn hai ngàn).

Tổng cả gốc và lãi là: 492.242.000 đồng (bốn trăm chín hai triệu hai trăm bốn hai ngàn).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi theo mức quy định tại khoản 1 điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

-Về án phí: anh Trần Văn T, bà Nguyễn Thị C phải chịu 24.612.000 đồng (hai tư triệu sáu trăm mười hai ngàn) án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Phan Văn P, bà Trần Thị H 8.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0004327 ngày 08/8/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- VKS ND huyện Nghi Lộc;
- Chi cục T.H.A Dân sự huyện Nghi Lộc;
- L- u hồ sơ.

T/M H□I □□NG X□T X□ S□ THỘM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Loan Hòa